

Kinh Đại Bát-Nhã Ba-La-Mật-Đa
(Trọn bộ 24 tập)

Hán dịch: Tam Tạng Pháp Sư Huyền Trang
Việt dịch: Hòa-Thượng Thích Trí NghiêM
Khảo dịch: Hòa-Thượng Thích Thiện Siêu
Sàigòn 1998

--- o0o ---

Tập 8
Quyển Thứ 179
Hội Thứ Nhất
Phẩm Khen Bát-Nhã
Thứ 32 - 8

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối Phật mười lực hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối Phật mười lực hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối Phật mười lực hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối Phật mười lực hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối Phật mười lực hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; **đối bốn vô sở úy cho đến mười tám pháp Phật bất cộng hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực.** Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng **phải** tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối pháp vô vong thất hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối tánh hằng trụ xả hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối pháp vô vong thất hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối tánh hằng trụ xả hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối pháp vô vong thất hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối tánh hằng trụ xả hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối pháp vô vong thất hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối tánh hằng trụ xả hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối pháp vô vong thất hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối tánh hằng trụ xả hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở **đắc** năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối nhất thiết trí hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối nhất thiết trí hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối nhất thiết trí hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối nhất thiết trí hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối nhất thiết trí hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối đạo tướng trí, nhất thiết tướng trí hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối tất cả đà-la-ni môn hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối tất cả tam-ma-địa môn hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối tất cả đà-la-ni môn hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối tất cả

tam-ma-địa môn hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối tất cả đà-la-ni môn hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối tất cả tam-ma-địa môn hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối tất cả đà-la-ni môn hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối tất cả tam-ma-địa môn hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối tất cả đà-la-ni môn hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối tất cả tam-ma-địa môn hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối Dự-lưu hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối Dự-lưu hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối Dự-lưu hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng, đối Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối Dự-lưu hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối Dự-lưu hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối Nhất-lai, Bất-hoàn, A-la-hán hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối Dự-lưu hướng Dự-lưu quả hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối Nhất-lai hướng Nhất-lai quả, Bất-hoàn hướng Bất-hoàn quả, A-la-hán hướng A-la-hán quả hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối Dự-lưu hướng Dự-lưu quả hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối Dự-lưu hướng Dự-lưu quả hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối Dự-lưu hướng Dự-lưu quả hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối Dự-lưu hướng, Dự-lưu quả hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối Nhất-lai hướng cho đến A-la-hán quả hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối Độc giác hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối Độc giác Bồ-đề hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối Độc giác hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối Độc giác Bồ-đề hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối Độc giác hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối Độc giác Bồ-đề hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối Độc giác hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối Độc giác Bồ-đề hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối Độc giác hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối Độc giác Bồ-đề hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối các Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối các Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối các Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối các Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối các Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực; đối hạnh Bồ-tát Ma-ha-tát hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối các Như-Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ; đối Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối các Như-Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan; đối Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối các Như-Lai Ứng Chánh Đẳng **Giác** hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng; đối Phật Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối các Như-Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp; đối Phật Vô thượng Bồ-đề hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối các Như-Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hoặc làm hữu lực vô lực, **chẳng làm hữu lực vô lực**; đối Phật Vô thượng **Chánh đẳng** Bồ-đề hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát khởi tướng như vậy: Bát-nhã Ba-la-mật-đa như thế, đối tất cả **pháp** hoặc làm lớn nhỏ, chẳng làm lớn nhỏ. Đối tất cả pháp hoặc làm nhóm tan, chẳng làm nhóm tan. Đối tất cả pháp hoặc làm hữu lượng vô lượng, chẳng làm hữu lượng vô lượng. Đối tất cả **pháp** hoặc làm rộng hẹp, chẳng làm rộng hẹp. Đối tất cả **pháp** hoặc làm hữu lực vô lực, chẳng làm hữu lực vô lực. Bạch Thế-Tôn! Bồ-tát Ma-ha-tát này tên đại hữu sở đắc, chẳng phải hành Bát-nhã Ba-la-mật-đa. Vì có sao? Vì chẳng phải tướng hữu sở đắc năng chứng Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề vậy.

Sở vì sao? **Bạch** Thế-Tôn! Vì hữu tình vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. **Hữu** tình vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Hữu tình vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Hữu tình vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Hữu tình không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Hữu tình vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Hữu tình vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Hữu tình xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Hữu tình vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Hữu tình bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Hữu tình bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Hữu tình vô giác **tri**, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác **tri**. Hữu tình chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì sắc vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; **thọ tướng hành thức vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh**. Sắc vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; thọ tướng hành thức vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Sắc vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; thọ tướng hành thức vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Sắc vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; thọ tướng hành thức vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Sắc không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; thọ tướng hành thức không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Sắc vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; thọ tướng hành thức vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Sắc vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; thọ tướng hành thức vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Sắc xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; thọ tướng hành thức xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Sắc vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; thọ tướng hành thức vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Sắc bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; thọ tướng hành thức bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Sắc bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; thọ tướng hành thức bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Sắc vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; thọ tướng hành thức vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác **tri**. **Sắc** chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; thọ tướng hành thức chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì nhãn xứ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Nhãn xứ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Nhãn xứ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự **tánh**. Nhãn xứ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô **sở hữu**; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Nhãn xứ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Nhãn xứ vô tướng, nên phải biết **Bát-nhã** Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Nhãn xứ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Nhãn xứ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Nhãn xứ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Nhãn xứ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Nhãn xứ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Nhãn xứ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; nhĩ tỷ thiệt thân ý **xứ** vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Nhãn xứ chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực; nhĩ tỷ thiệt thân ý xứ chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì sắc xứ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; thanh hương vị xúc pháp xứ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Sắc xứ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; thanh hương vị xúc pháp xứ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô **diệt**. Sắc xứ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; thanh hương vị xúc pháp xứ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Sắc xứ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; thanh hương vị xúc pháp xứ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Sắc xứ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; thanh hương vị xúc pháp xứ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Sắc xứ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; thanh hương vị xúc pháp xứ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Sắc xứ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; thanh hương vị xúc pháp xứ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Sắc xứ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; thanh hương vị xúc pháp xứ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Sắc xứ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; thanh hương vị xúc pháp xứ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Sắc xứ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; thanh hương vị xúc pháp xứ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Sắc xứ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; thanh hương vị xúc pháp xứ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Sắc xứ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; thanh hương vị xúc pháp xứ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Sắc xứ chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực; thanh hương vị xúc pháp xứ chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì nhãn giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; sắc giới, nhãn thức giới và nhãn xúc, nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Nhãn giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Nhãn giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Nhãn giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; sắc giới cho đến nhãn xúc làm

duyên sanh các thọ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Nhân giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Nhân giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Nhân giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Nhân giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Nhân giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Nhân giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Nhân giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Nhân giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Nhân giới chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực; sắc giới cho đến nhãn xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì nhĩ giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; thanh giới, nhĩ thức giới và nhĩ xúc, nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Nhĩ giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Nhĩ giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Nhĩ giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Nhĩ giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Nhĩ giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Nhĩ giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Nhĩ giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Nhĩ giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Nhĩ giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Nhĩ giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì, thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Nhĩ giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Nhĩ giới chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực; thanh giới cho đến nhĩ xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng trọn nên thể lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thể lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì tỷ giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; hương giới, tỷ thức giới và tỷ xúc, tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Tỷ giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Tỷ giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Tỷ giới vô sở hữu,

nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Tỷ giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Tỷ giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Tỷ giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Tỷ giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Tỷ giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, **nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng**. Tỷ giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Tỷ giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; hương giới cho **đến** tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Tỷ giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Tỷ giới chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; hương giới cho đến tỷ xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì thiết giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; vị giới, thiết thức giới và thiết xúc, thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Thiết giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Thiết giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Thiết giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Thiết giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Thiết giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Thiết giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Thiết giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Thiết giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Thiết giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Thiết giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Thiết giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Thiết giới chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; vị giới cho đến thiết xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì thân giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; xúc giới, thân thức giới và thân xúc, thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Thân giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Thân giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Thân

giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Thân giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Thân giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Thân giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Thân giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Thân giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Thân giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc, xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng **bất** khả đắc. Thân giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Thân giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Thân giới chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; xúc giới cho đến thân xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì ý giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; pháp giới, ý thức giới và ý xúc, ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Ý giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Ý giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Ý giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Ý giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Ý giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Ý giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Ý giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Ý giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Ý giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Ý giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Ý giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Ý giới chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; pháp giới cho đến ý xúc làm duyên sanh ra các thọ chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì địa giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; thủy hỏa phong không thức giới vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Địa giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; thủy hỏa phong không thức giới vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Địa giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; thủy hỏa phong không thức giới vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Địa giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; thủy hỏa phong

không thức giới vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Địa giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; thủy hỏa phong không thức giới không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Địa giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; thủy hỏa phong không thức giới vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Địa giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; thủy hỏa phong không thức giới vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Địa giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; thủy hỏa phong không thức giới xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Địa giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; thủy hỏa phong không thức giới vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Địa giới bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; thủy hỏa phong không thức **giới** bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Địa giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; thủy hỏa phong không thức giới bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Địa giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; thủy hỏa phong không thức giới vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Địa giới chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; thủy hỏa phong không thức giới chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.

Lại nữa, bạch Thế-Tôn! Vì vô minh vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh; hành, thức, danh sắc, lục xứ, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử sâu thán khổ ưu não vô sanh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sanh. Vô minh vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vô diệt, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô diệt. Vô minh vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vô tự tánh, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tự tánh. Vô minh vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vô sở hữu, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô sở hữu. Vô minh không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não không, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng không. Vô minh vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vô tướng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô tướng. Vô minh vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện; hành cho đến lão tử sâu thán khổ **ưu não** vô nguyện, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô nguyện. Vô minh xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não xa lìa, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng xa lìa. Vô minh vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não vắng lặng, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vắng lặng. Vô minh bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não bất khả đắc, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả đắc. Vô minh bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não bất khả tư nghì, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng bất khả tư nghì. Vô minh vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri; hành cho đến lão tử sâu thán khổ vô giác tri, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng vô giác tri. Vô minh chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực; hành cho đến lão tử sâu thán khổ ưu não chẳng trọn nên thế lực, nên phải biết Bát-nhã Ba-la-mật-đa cũng chẳng trọn nên thế lực. Bạch Thế-Tôn! Tôi vin ý đây nên nói Bồ-tát Ma-ha-tát Bát-nhã Ba-la-mật-đa, tên Đại Ba-la-mật-đa.